

STT	TÊN THIẾT BỊ	MÃ THIẾT BỊ	HÃNG SX	NƯỚC SX	NĂM SX	TÌNH TRẠNG SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
I	Tủ lạnh bảo quản thuốc							
1	Tủ lạnh bảo quản thuốc 1					B	1	
2	Tủ mát bảo quản thuốc 2					B	1	
3	Tủ mát bảo quản thuốc 3					B	1	
4	Tủ mát bảo quản thuốc 4	BW0AC AE000 0BUQ6 K0023	Aqua	Trung Quốc		B	1	
5	Tủ mát bảo quản thuốc 5	BW09G OE560 0BUM7 10079	Aqua	Trung Quốc		A	1	
6	Tủ mát bảo quản thuốc 6	BW0AD 2E010 0BUPB F0238	Aqua	Trung Quốc		A	1	
7	Tủ lạnh bảo quản thuốc 1	SJ-43L-E2S	SHARP	Thái Lan	2010	B	1	
8	Tủ mát bảo quản thuốc 2	LC-333	ALASKA	Trung Quốc	2020	A	1	
9	Tủ mát bảo quản thuốc 3	LC-743DB	ALASKA	Trung Quốc	2020	A	1	
10	Tủ lạnh bảo quản thuốc	AQR-125An	Aqua	Việt Nam	2015	A	1	
11	Tủ mát bảo quản thuốc		ALASKA	Trung Quốc		A	1	
II	Nhiệt kế, ẩm kế							
1	Nhiệt kế, ẩm kế 1					A	1	
2	Nhiệt kế, ẩm kế 2					A	1	
3	Nhiệt kế, ẩm kế 3					A	1	
4	Nhiệt kế, ẩm kế 4					A	1	
5	Nhiệt kế, ẩm kế 5					A	1	
6	Nhiệt kế, ẩm kế 7	TH101B				A	1	

7	Nhiệt kế, ẩm kế 8	TH101B				A	1	
8	Nhiệt kế, ẩm kế 9	TH101B				A	1	
9	Nhiệt kế 1	Freezer Thermometer G590	Freezer	Trung Quốc		A	1	
10	Nhiệt kế 2	Freezer Thermometer G590	Freezer	Trung Quốc		A	1	
11	Nhiệt kế 3	Freezer Thermometer G590	Freezer	Trung Quốc		A	1	
12	Nhiệt kế, ẩm kế 1	TH101B	PTMedical	Trung Quốc		A	1	
13	Nhiệt kế, ẩm kế 2	TH101B	PTMedical	Trung Quốc		A	1	
14	Nhiệt kế, ẩm kế 3	TH600B	Anymetre	Hàn Quốc		A	1	
15	Nhiệt kế	Freezer Thermometer G590	Freezer	Trung Quốc		A	1	
16	Nhiệt kế, ẩm kế	TH101B		Trung Quốc		A	1	
17	Nhiệt kế, ẩm kế	TH101B		Trung Quốc		A	1	
18	Nhiệt kế tự ghi	TZ0322111452				A	1	
19	Nhiệt kế tự ghi	TZ0322111440				A	1	
20	Nhiệt kế tự ghi	EL-USB-2-LCD				A	1	
21	Nhiệt kế					A	1	
22	Nhiệt kế, ẩm kế					A	1	
23	Nhiệt kế, ẩm kế	TH101E		Trung Quốc		A	1	
24	Nhiệt kế, ẩm kế	TH600E		Trung Quốc		A	1	